

Số: 97/2026/QĐST-DS

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 của các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 222/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2); Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phương N, sinh năm 2000; Địa chỉ: D A, L, Phường A, B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Bà Triệu Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Quang V, sinh năm 1990; bà Đỗ Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn F, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về trách nhiệm dân sự: Bà Triệu Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2026 tổng số tiền là 4.307.233.666 đồng (Bốn tỷ ba trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng.) Trong đó, tổng nợ gốc là: 3.631.569.762 đồng (Ba tỷ sáu trăm ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng); tổng nợ lãi là: 675.663.904 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Trường hợp bà **Triệu Thị P** không trả được cho **V2** toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 10/07/2026 tổng số tiền là 4.307.233.666 đồng (*Bốn tỷ ba trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng.*) Trong đó, tổng nợ gốc là: 3.631.569.762 đồng (*Ba tỷ sáu trăm ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng*); tổng nợ lãi là: 675.663.904 đồng (*Sáu trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng*), thì **V2** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số CQ 456081, Số vào sổ cấp GCN CS 00004 do **Sở Tài Nguyên & Môi Trường tỉnh L** cấp ngày 04/01/2019, cụ thể như sau: Thửa đất số: 900; Tờ bản đồ số: 17; Địa chỉ: **Thị Trấn Đ, Tỉnh Lâm Đồng** (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), thuộc quyền sở hữu sử dụng của Ông **Chu Quang V** Bà **Đỗ Thị L**

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số DD991480, Số vào sổ cấp GCN CS 00623 do **Sở Tài Nguyên & Môi Trường tỉnh L** cấp ngày 09/11/2021, cụ thể như sau: Thửa đất số: 1261; Tờ bản đồ số: 17; Địa chỉ: **Thị Trấn Đ, Tỉnh Lâm Đồng** (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng), thuộc quyền sở hữu sử dụng của Ông **Chu Quang V**, Bà **Đỗ Thị L**.

Nếu số tiền thu được từ bán xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho **V2** thì bà **Triệu Thị P** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

2.2 Về án phí: Bà **Triệu Thị P** phải chịu 56.153.617 đồng (*Năm mươi sáu triệu một trăm năm ba ngàn sáu trăm mười bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí tố tụng: **Ngân hàng TMCP V1** tự nguyện chịu chi phí tố tụng.

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** số tiền 55.619.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng chẵn*) mà **Ngân hàng TMCP V1 (V2)** đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai số 0010151 ngày 29/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 5 - Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 5 - Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).



THẨM PHÁN

Bùi Cao Chức